TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2017/DS-PT
Ngày 14/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Công Mười

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số 460/HSPT ngày 05 tháng 8 năm 2016, do có kháng cáo của các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/2016/HSST ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Bị cáo kháng cáo:

1. Bị cáo **Trần Thanh D -** sinh năm 1962; NKTT: đường Ng1, khóm X, phường Y, thành phố C2, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Ấp N1, xã L5, huyện C3, tỉnh Cà Mau; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty CV; Cha: Trần Văn C (chết); mẹ: Nguyễn Thị Ng (sinh năm 1930); Vợ: Lâm Lệ Th (sinh năm 1971), có 02 người con (lớn sinh năm 1995, nhỏ 1998); Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam 29/10/2015, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo có các luật sư:

- Ông Phạm Công U - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).
- Ông Nguyễn Đình Th1 - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).
- Ông Đào Kim L - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).
- Ông Nguyễn Duy S - Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- Bà Lê Thị Minh Nh - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).
- Ông Phương Văn Th2 - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).
- Ông Trần Văn Ch - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

2. Bị cáo **Đỗ Lý D1** - sinh năm 1967; NKTT: đường L6, khóm X1, phường Y1, thành phố C2, tỉnh Cà Mau; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán Công ty CV; Cha: Đỗ Văn B (Liệt sĩ); mẹ: Đoàn Thị Th3 (chết); Vợ: Hà Yến Tr (sinh năm 1975), có 01 con (sinh năm 1996); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

3. Bị cáo **Nguyễn Hữu D2** - sinh năm 1985; NKTT: Ấp XĐ, xã Ph1, huyện Ph2, tỉnh Cà Mau; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm vuông; Cha: Nguyễn Đức M; Mẹ: Phạm Kim L1; Vợ: Lưu Hồng Th4 (sinh năm 1992) có 01 con (sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo D1 và bị cáo D2: Luật sư Ngô Đình Ch1 - Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: **Ngân hàng VN - Chi nhánh tỉnh Cà Mau**

Do ông Đỗ Thanh Ngh và ông Tô Thanh L2 – Cán bộ Ngân hàng VN là đại diện theo ủy quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1) Bà **Lâm Lệ Th** - Sinh năm 1971;

Trú tại: đường L6, khóm X3, phường Y2, thành phố C2, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở: Ấp N1, xã L5, huyện C3, tỉnh Cà Mau, có mặt.

2) **Ngân hàng VN - Chi nhánh khu vực MH**

Do ông Lê Quốc N - Trưởng phòng tín dụng đầu tư Ngân hàng VN khu vực MH là đại diện theo ủy quyền, (có mặt).

3/ Ông **Trịnh Tuấn M1** - Nguyên Giám đốc Ngân hàng VN khu vực MH, vắng mặt;

Trú tại: đường Tr1, khóm X3, phường Y3, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

4/ Ông **Nguyễn Văn C1** - Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng VN khu vực MH, (có mặt);

Trú tại: Nhà công vụ Ngân hàng VN, thuộc xã L6, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

5/ Ông **Dương Thanh H** - Cán bộ Phòng tín dụng Ngân hàng VN khu vực MH, (có mặt);

Trú tại: đường Ng2, khóm X3, phường Y4, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

6/ Ông **Tô Thanh Lê Nh1** - Nguyên Giám đốc Ngân hàng VN - Chi nhánh tỉnh Cà Mau, xin vắng mặt.

Trú tại: đường L7, phường Y, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

6/ Ông **Phạm Hồng Kh** - Trưởng phòng Ngân hàng VN - Chi nhánh tỉnh Cà Mau, (có mặt);

Trú tại: đường Ph3, khóm Y4, phường Y5, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

7/ Bà **Lý Ngọc Th5** - Cán bộ Ngân hàng VN - Chi nhánh tỉnh Cà Mau, (có mặt);

Trú tại: đường Ph3, khóm X3, phường Y5, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

8/ Chị **Lữ Ngọc Tr** - Sinh năm 1984, (có mặt);

Trú tại: đường H1, khóm Y5, phường Y5, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

9/ Ông **Tiêu Văn Đ** - Sinh năm 1965, (có mặt);

Trú tại: đường Ng2, khóm Y6, phường Y4, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

11/ Bà **Huỳnh Thị U1** - Sinh năm 1937, (có mặt).

Trú tại: đường L6, khóm X3, phường Y2, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

12/ Bà **Lư Tuyết Ph** - Sinh năm 1956, (có mặt);

13/ Anh **Trần B1** - Sinh năm 1978, (có mặt);

Cùng trú tại: đường L8, khóm X7, phường Y6, thành phố C2, tỉnh Cà Mau.

14/ Ông **Trần Văn L3** – Giám đốc Ngân hàng VN – chi nhánh Cà Mau. Do ông Đỗ Thanh Ngh – Cán bộ Ngân hàng VN là đại diện theo ủy quyền.

15/ Ông **Võ Tương L4** – Giám đốc Ngân hàng VN – chi nhánh khu vực MH, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng và nội dung án sơ thẩm nêu hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2 bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Công ty CV, do Trần Thanh D làm giám đốc, được thành lập vào ngày 25/5/2006; trụ sở tại đường Ph4, khóm X7, phường Y1, thành phố C2; năm 2008, Công ty CV chuyển trụ sở về địa chỉ: ấp N1, xã L5, huyện C3, tỉnh Cà Mau. Công ty CV gồm có hai thành viên: Trần Thanh D làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Giám đốc và Lâm Lệ Th làm thành viên, kinh doanh trong lĩnh vực thi công san lắp

mặt bằng, xây dựng các công trình dân dụng, cầu đường, lộ nông thôn; kinh doanh và vận chuyển vật liệu xây dựng, xuất khẩu vật liệu xây dựng …

Năm 2010, Công ty CV làm ăn thua lỗ nên D mượn tiền của Huỳnh Thị U1 và Lư Tuyết Ph để chi vào hoạt động kinh doanh. Để có tiền trả nợ và hoạt động của Công ty, D nảy sinh ý định lập khống hồ sơ để vay tiền Ngân hàng. Khoảng cuối năm 2010, D liên hệ với Ngân hàng VN - Chi nhánh khu vực MH (gọi tắt VNB MH) tìm hiểu về thủ tục vay vốn và được VNB MH hướng dẫn là phải có dự án và phương án sản xuất kinh doanh thể hiện qua các hợp đồng kinh tế có khả thi mới đủ điều kiện để bảo lãnh. Sau khi được hướng dẫn, D liên hệ với Tiêu Văn Đ là chủ Doanh nghiệp tư nhân KL, yêu cầu Đ ký vào hợp đồng kinh tế để D được bảo lãnh vay tiền Ngân hàng. Dù không có làm ăn với D, nhưng Đ vẫn đồng ý. D chỉ đạo Đỗ Lý D1 là Kế toán trưởng Công ty CV, soạn thảo Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 15/11/2010, với nội dung Doanh nghiệp tư nhân KL thuê Công ty CV thực hiện san lấp 210.600m^3 cát đen tại tỉnh Tiền Giang, giá trị Hợp đồng là 16.253.712.000 đồng. Sau khi soạn xong hợp đồng, D chỉ đạo D1 liên hệ với Đ ký hợp đồng nhằm hợp thức hóa hồ sơ cho VNB MH bảo lãnh Công ty CV vay vốn Ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 15/11/2010, không đảm bảo nội dung nên VNB MH không chấp thuận bảo lãnh. D tiếp tục chỉ đạo D1 lập lại Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010, nội dung Doanh nghiệp tư nhân KL thuê Công ty CV san lấp 200.000m^3 cát đen cho công trình tại tỉnh Tiền Giang, thời gian thực hiện 11 tháng, giá trị hợp đồng 15 tỷ đồng, rồi liên hệ với Đ ký đại diện Doanh nghiệp tư nhân KL. Thời điểm này Đ đi làm ở xa không ký Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010, mà do một người khác giả mạo chữ ký của Đ, ký tên trên hợp đồng đến nay chưa xác định được người giả chữ ký của Đ. Thời gian này D1 được Đ thuê làm kế toán và giao quản lý dấu của Doanh nghiệp tư nhân KL và dấu tên "Tiêu Văn Đ", D1 lấy dấu của Doanh nghiệp tư nhân KL và dấu tên "Tiêu Văn Đ" đóng vào Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010.

Ngày 02/11/2010, D gửi giấy đề nghị bảo lãnh vay vốn thực hiện phương án sản xuất kinh doanh thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010; Báo cáo tài chính năm 2008, năm 2009 và các báo cáo có liên quan của doanh nghiệp đến thời điểm bảo lãnh gửi đến VNB MH. Trong các báo cáo tài chính, D chỉ đạo nâng khống mức lợi nhuận, không đúng thực tế về kết quả hoạt động của Công ty CV. Cụ thể: Báo cáo tài chính Công ty CV gửi VNB MH năm 2008 lãi 83.851.554 đồng; Năm 2009 lãi 470.972.155 đồng; Trong khi đó báo cáo tài chính gửi cơ quan thuế: Năm 2008 lãi 60.284.287 đồng; Năm 2009 lãi 74.109.932 đồng; Năm 2010 lỗ 1.716.339.886 đồng, nhưng báo cáo thông tin về tài chính của Công ty CV đến thời điểm bảo lãnh lãi 899.000.000 đồng. Cùng với các báo cáo này, D còn gửi cho VNB MH các hồ sơ pháp lý của Công ty CV kèm theo Hợp đồng kinh tế số:

10/2010/HĐ ngày 30/10/2010 đề nghị được bảo lãnh vay 9.000.000.000 đồng tại các ngân hàng thương mại.

D gửi hồ sơ của Công ty CV cho VNB MH, do ông Nguyễn Văn C1 là Trưởng phòng Tín dụng tiếp nhận và phân công ông Dương Thanh H là cán bộ Phòng tín dụng đầu tư thẩm định. Qua việc kiểm tra hồ sơ về điều kiện bảo lãnh và kiểm tra thực tế tại trụ sở của Công ty CV, ngày 11/11/2010 ông H lập báo cáo số: 169^{B}/NHPT.MHA-TDĐT về kết quả thẩm định tổng hợp của Chi nhánh, trình ông C1 xem xét ký nháy và trình ông Trịnh Tuấn M1 là Giám đốc VNB MH, ký gửi về Tổng Giám đốc Ngân hàng VN.

Trên cơ sở kết quả thẩm định, Phòng tín dụng đầu tư đề xuất ông Trịnh Tuấn M1 ký thông báo số: 960^{B}/NHPT.MHA-BL ngày 11/11/2010 và Thông báo số: 1043^{B}/NHPT.MHA-BL ngày 09/12/2010 về việc chấp thuận bảo lãnh cho Công ty CV vay vốn.

Ngày 13/12/2010, D có giấy đề nghị vay vốn; Phương án kinh doanh; Hồ sơ pháp lý của Công ty CV; Thông báo chấp thuận bảo lãnh của VNB MH, D gửi Ngân hàng VN - Chi nhánh Cà Mau (gọi tắt Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau) đề nghị vay vốn mua vật liệu xây dựng, hồ sơ do bà Lý Ngọc Th5 là cán bộ và ông Phạm Hồng Kh là Phó Phòng quan hệ khách hàng được phân công thẩm định.

Ngày 14/12/2010, bà Th5 báo cáo đề xuất cấp tín dụng với nội dung: "Công ty CV được đánh giá là khách hàng có độ rủi ro thấp và phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả"; ông Kh ký kiểm soát và chuyển cho bà Trịnh Thị Hồng V là Trưởng phòng quan hệ khách hàng, thừa ủy quyền của Giám đốc ký duyệt với nội dung: "Đồng ý cấp tín dụng 9.000.000.000 đồng cho Công ty CV vay để thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010".

Ngày 16/12/2010, D ký Hợp đồng tín dụng số: 44/2010/HĐ vay của Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau số tiền 09 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng lãi suất 17,5%/năm, mục đích vay là để Công ty CV thực hiện Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010 với Doanh nghiệp tư nhân KL về việc san lấp 200.000 m^3 cát tại tỉnh Tiền Giang và thông báo cho VNB MH biết.

Ngày 22/12/2010, ông Trịnh Tuấn M1 ký chứng thư bảo lãnh số: 1091/NHPT MHA-CTBL về việc bảo lãnh cho Công ty CV vay số tiền 09 tỷ đồng thực hiện phương án sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số: 44/2010/HĐ ngày 16/12/2010 gửi đến Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau và D ký hợp đồng nhận nợ nguyên tắc với VNB MH.

Để được giải ngân, Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau yêu cầu Công ty CV cung cấp các hợp đồng, chứng từ, hóa đơn để chứng minh việc có mua cát, thực hiện công trình. Do Hợp đồng kinh tế số: 10/2010/HĐ ngày 30/10/2010 không có thật, nên D tiếp tục chỉ đạo: Đỗ Lý D1, Lữ Ngọc Tr là kế toán, Nguyễn Hữu D2 là người lao động, Phạm Tuấn A là tài xế xe… lập khống, ghi và ký khống các hợp

đồng, hóa đơn, bảng kê, hợp thức hóa hồ sơ, để được giải ngân. Toàn bộ các tài liệu trên, được D chuyển đến Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau và được bà Th5 tiếp nhận, kiểm tra, nhưng không phát hiện việc Công ty CV giả mạo các tài liệu này.

Ngày 24/12/2010, Phòng quan hệ khách hàng xác định hồ sơ đủ điều kiện giải ngân nên chuyển hồ sơ của Công ty CV và Công văn số: 780/TB-QHKH ngày 16/12/2010 đến Phòng quản trị tín dụng để kiểm tra và đề xuất trước khi giải ngân. Cùng ngày ông Đoàn Văn X và bà Trần Bạch H2 là cán bộ và Trưởng phòng Quản trị tín dụng Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau trực tiếp kiểm tra hồ sơ, lập tờ trình duyệt giải ngân theo bảng kê rút vốn ngày 24/12/2010 của Công ty CV, trình ông Tô Thanh Lê Nh1 là Giám đốc Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau phê duyệt giải ngân cho Công ty CV 9.000.000.000 đồng.

Ngày 27/12/2010, Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau giải ngân 9.000.000.000 đồng cho Công ty CV, thông qua tài khoản của Nguyễn Hữu D2 mở tại Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Cần Thơ theo sự chỉ đạo của D với nội dung "Công ty CV thanh toán tiền mua cát đen". Cùng ngày D chỉ đạo cho Lữ Ngọc Tr và Nguyễn Hữu D2 đến Ngân hàng Công thương - Chi nhánh Cà Mau rút hết số tiền 9.000.000.000 đồng để trả nợ. Chuyển vào tài khoản của Lâm Lệ Th 3.357.000.000 đồng để trả cho bà Huỳnh Thị U1 (Doanh nghiệp tư nhân QH) và trả cho Lư Tuyết Ph (Tiệm vàng KM) 5.000.000.000 đồng; trừ chi phí giao dịch 1.100.000 đồng; số còn lại 641.900.000 đồng D dùng chi vào hoạt động của Công ty CV.

Ngày 24/12/2011, đến hạn trả nợ nhưng D không thực hiện trả nợ, không có khả năng thanh toán nợ. Ngày 14/10/2013, Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau khởi kiện Trần Thanh D ra Tòa án nhân dân huyện C3. Ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện C3 xét xử sơ thẩm tại bản án số: 05/2014/KDTM-ST "Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VN - Chi nhánh Cà Mau, buộc Công ty CV trả cho Ngân hàng VN - Chi nhánh Cà Mau số tiền 13.135.640.082 đồng (Trong đó vốn 8.983.000.000 đồng, lãi 4.152.640.082 đồng) và buộc Ngân hàng VN khu vực MH liên đới trách nhiệm trả nợ". VNB MH không thống nhất với bản án, nên ngày 24/10/2014 làm đơn kháng cáo, được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý.

Sau khi thụ lý vụ án phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thấy Trần Thanh D thực hiện hành vi gian dối, làm giấy tờ giả để vay chiếm đoạt tiền Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau. Ngày 22/7/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Cà Mau. Ngày 06/10/2015, Cơ quan cảnh sát điều tra tỉnh Cà Mau khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can Trần Thanh D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2016/HSST ngày 23/6/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Lý D1, Nguyễn Hữu D2 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh D 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2015

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm i khoản 1 Điều 48, Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Lý D1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo D1 chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm i khoản 1 Điều 48, Điều 53 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D2 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo D1 chấp hành án.

Án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 29/7/2016, bị cáo Trần Thanh D có đơn kháng cáo kêu oan cho rằng mình không phạm tội.

- Ngày 05/7/2016 bị cáo Đỗ Lý D1 và Nguyễn Hữu D2 làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Ngày 06/7/2016 Giám đốc Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau làm đơn kháng cáo yêu cầu buộc Doanh nghiệp tư nhân KM hoàn trả lại số tiền 5.000.000.000 đồng vì đây là tang vật vụ án và yêu cầu buộc Ngân hàng VN – chi nhánh MH liên đới chịu trách nhiệm số tiền mà Trần Thanh D chiếm đoạt.

- Ngày 07/7/2016 Lâm Lệ Th – Người liên quan kháng cáo cho rằng Tòa sơ thẩm buộc bà nộp lại số tiền 3.357.000.000 đồng là không đúng, đây là số tiền Trần Thanh D mượn bà trước đây sau đó trả lại cho bà.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo, và người liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn dân sự thay đổi yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu buộc Ngân hàng VN – chi nhánh MH chịu trách nhiệm về số tiền 5.000.000.000 đồng.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao: Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, bản thân bị cáo cũng thừa nhận việc ký hợp đồng san lấp 200.000m^3 cát với Doanh nghiệp KL là không có thật, toàn bộ hồ sơ hợp đồng làm khống nhằm để vay tiền ngân hàng. Tội phạm đã hoàn thành khi D rút 9.000.000.000 đồng từ ngân hàng, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, không oan như bị cáo nêu. Đối với kháng cáo của Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà

Mau là không có căn cứ, VNB MH không có lỗi trong khi bảo lãnh nên không phải chịu trách nhiệm.

Đối với số tiền 3.000.000.000 đồng bà Lâm Lệ Th kháng cáo, cho thấy số tiền trên do bị cáo phạm tội mà có nên việc buộc nộp lại số tiền trên là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, của BIDV và của bà Lâm Lệ Th, giữ y án sơ thẩm.

Bào chữa cho các bị cáo, các luật sư cho rằng bị cáo D có hành vi gian dối nhưng không có ý thức chiếm đoạt, vì sau khi vay được tiền bị cáo sử dụng thanh toán nợ của công ty trước đó, sau đó đã trả lại trên 04 tỷ đồng và dùng tài sản của công ty cũng như của cá nhân thế chấp bảo đảm cho khoản vay còn lại nên không thể nói bị cáo lừa đảo chiếm đoạt. Trước đây Tòa án tỉnh Cà Mau khi giải quyết vụ kinh doanh thương mại phúc thẩm ra quyết định hủy và đình chỉ giải quyết vụ án là thiếu căn cứ. Hồ sơ cho thấy hai Ngân hàng không có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại vì không xác định mình bị hại, không thể xử bị cáo tội lừa đảo mà không có bị hại. Luật sư cũng cho rằng đây không phải là lần đầu mà vào năm 2009 chính hai ngân hàng bảo lãnh và cho vay 5.000.000.000 đồng cũng trên hồ sơ khống không có thật. Việc vay 9.000.000.000 đồng để san lấp 200.000m^3 cát cũng là hồ sơ khống như 5.000.000.000 đồng trước đây. Các bị cáo không phạm tội lừa đảo, đề nghị tuyên các bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác xét thấy:

[1] Trước khi khởi tố vụ án hình sự, Ngân hàng Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện C3. Tại bản án sơ thẩm số 05/2014/KDTMST ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện C3 buộc Công ty CV trả cho Ngân hàng Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau số tiền là 13.135.640.082 đồng, nếu Công ty CV không trả được thì Ngân hàng VNB MH có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay. Khi thụ lý phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/6/2015, khi phát biểu quan điểm đại diện Viện kiểm sát tỉnh đề nghị tạm đình chỉ vụ án chuyển hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh để làm rõ việc sử dụng vốn vay của Công ty CV.

Ngày 18/12/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có Quyết định số 03/2015/QĐPT hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự (Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau, VNB MH và bị cáo Trần Thanh D) khẳng định không có tham dự phiên tòa ngày 18/12/2015 chứng cứ cho thấy bị cáo D bị bắt ngày 29/10/2015, không có lệnh

trích xuất để bị cáo dự phiên tòa ngày 18/12/2015. Mặt khác vụ án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng quyết định hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án không do Hội đồng xét xử quyết định mà do thẩm phán quyết định là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Về căn cứ cũng như thẩm quyền hủy và đình chỉ giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm là không đúng.

[2] Xét về hành vi của Trần Thanh D: Là Giám đốc Công ty TNHH CV (sau đây gọi tắt là Công ty CV) Trần Thanh D biết Công ty CV không có khả năng thanh toán các khoản vay mượn đến hạn, Trần Thanh D nảy sinh ý định lập hồ sơ khống để vay tiền ngân hàng. Nắm bắt được Nhà nước có chủ trương hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, D chỉ đạo Đỗ Lý D1 là nhân viên dưới quyền soạn thảo hợp đồng kinh tế với nội dung: Doanh nghiệp tư nhân KL thuê Công ty CV thực hiện việc san lấp 200.000m^3 cát đen tại tỉnh Tiền Giang với tổng giá trị hợp đồng là 15.000.000.000 đồng. Sau khi làm khống hợp đồng kinh tế, D chuyển toàn bộ hồ sơ đến Ngân hàng VN chi nhánh khu vực MH (viết tắt là VNB MH) để xin bảo lãnh vốn vay. Sau khi thẩm định Ngân hàng VNB MH có thông báo chấp nhận bảo lãnh cho Công ty CV vay vốn và Ngân hàng VN - Chi nhánh Cà Mau (gọi tắt là Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau) đã giải ngân cho Công ty CV vay 9.000.000.000 đồng chuyển qua tài khoản của Nguyễn Hữu D2 tại Ngân hàng CT chi nhánh Cần Thơ với nội dung Công ty CV thanh toán tiền mua cát đen. D chỉ đạo Danh rút toàn bộ số tiền trên trả cho các khoản nợ trước đó và chi phí cho hoạt động công ty. Hành vi của Trần Thanh D là gian dối, bằng nhiều thủ đoạn để vay được tiền của ngân hàng, trong 02 năm bị cáo đã trả được trên 3,4 tỷ tiền lãi cho ngân hàng và sau đó dùng tài sản của Công ty và cá nhân thế chấp cho Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai năm 2009 cũng bằng thủ đoạn làm hồ sơ khống, cán bộ thẩm định đều biết nhưng vẫn bảo lãnh và Ngân hàng vẫn cho bị cáo vay 5.000.000.000 đồng và sau đó đã trả đủ cho Ngân hàng. Vấn đề cần làm rõ ở đây có hay không năm 2009 Ngân hàng đã bảo lãnh và cho vay 5.000.000.000 đồng cùng với hồ sơ khống từ đó đánh giá ý thức chủ quan của Ngân hàng bảo lãnh, Ngân hàng cho vay và bị cáo D đối với khoản vay 9.000.000.000 đồng năm 2010; bởi lẽ: Nếu ngân hàng biết hợp đồng san lấp là không có thật nhưng vẫn bảo lãnh thì cần phải đánh giá lại hành vi lừa đảo; Hồ sơ thể hiện: Báo cáo Phòng tín dụng đầu tư, thông báo kết quả thẩm định cũng như thông báo chấp thuận bảo lãnh cho Công ty CV vay vốn của VNB MH đều mang ký hiệu B trên số văn bản (ví dụ: 169^B và 104^B) có phải chăng đây là thủ thuật né tránh sự chồng lấn về số văn bản phát hành, để hợp thực hóa hồ sơ cho vay. Cần làm rõ để đi đến kết luận Ngân hàng VNB MH có bị lừa dối trong việc bảo lãnh khoản tiền vay hay không?

[3] Nếu có đủ căn cứ để kết luận Trần Thanh D lừa đảo để chiếm đoạt tài sản thì cần làm rõ thời điểm chiếm đoạt và số tiền chiếm đoạt, vì sau khi vay Trần Thanh D trả lãi vay trên 03 tỷ và trả một phần vốn gốc. Cấp sơ thẩm buộc bị cáo trả cho Ngân hàng 9.000.000.000 đồng tiền vốn và 6.829.636.878 đồng tiền lãi (tính

đến ngày xét xử sơ thẩm) là không chính xác, việc tính lãi đến ngày xét xử chỉ xem xét trong quan hệ giao dịch dân sự, kinh doanh thương mại mà thôi.

[4] Đối với số tiền 5.000.000.000 đồng: Bị cáo D khai sau khi vay Ngân hàng 9.000.000.000 đồng bị cáo lấy 5.000.000.000 đồng trả cho bà Lư Tuyết Ph chủ Tiệm vàng KM. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Hữu D2 cũng như chị Tr thừa nhận bị cáo D chỉ đạo lấy số tiền trả cho Tiệm vàng KM do anh Trần B1 (con bà Ph) là người trực tiếp nhận tại Ngân hàng, để xác định anh B1 là ai, D đã cho số điện thoại của anh B1 để D2 liên hệ giao tiền. Trong quá trình điều tra bị cáo D2 và chị Tr đã nhận diện được anh B1, Cơ quan điều tra chưa cho tiến hành đối chất anh B1 và bị cáo D2 và chị Tr, chưa yêu cầu cơ quan bưu điện cung cấp số điện thoại giao dịch giữa bị cáo D2 và anh B1 ngày đó, cũng như chưa trích xuất camera Ngân hàng để xác định anh B1 có mặt Ngân hàng vào thời gian đó để nhận tiền từ bị cáo D2 hay không. Cấp sơ thẩm dựa vào lời khai không thừa nhận của anh B1 và bà Ph để kết luận không có căn cứ cho rằng bà Ph đã nhận 5.000.000.000 đồng là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[5] Về xác định tư cách tham gia tố tụng vụ án:

Tòa sơ thẩm nhận định Trần Thanh D có hành vi lừa dối cả VNB MH và Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau, nhưng chỉ xác định Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau là nguyên đơn dân sự (bị hại) còn VNB MH là người có quyền nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác. Thực tế vụ án cho thấy nguyên nhân của mọi nguyên nhân bắt nguồn từ VNB MH, thiếu kiểm tra, thẩm định, phát hành chứng thư bảo lãnh không đúng, BIDV căn cứ chứng thư bảo lãnh giải ngân 9.000.000.000 đồng cho Công ty CV. Theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 60/2009/QĐ.TTg ngày 17/4/2009 của Thủ Tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung quy chế bảo lãnh quy định: "*Bên nhận bảo lãnh không phải thẩm định lại các điều kiện quy định tại điều 5 của quy chế này*". Như vậy Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau không phải thẩm định lại dự án của Công ty CV khi đã có chứng thư bảo lãnh của VNB MH, vậy Trần Thanh D lừa ai? VNB MH hay Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau? Hồ sơ cho thấy Trần Thanh D bằng nhiều thủ đoạn gian dối để VNB MH đứng ra bảo lãnh cho mình, còn việc Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau giải ngân chỉ là thủ tục nghiệp vụ ngân hàng. Khoản 1 Điều 15 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm có nêu: "*Hợp đồng có nghĩa vụ được đảm bảo bị vô hiệu mà các bên chưa thực hiện hợp đồng thì giao dịch đảm bảo chấm dứt, nếu đã thực hiện một phần, hoặc toàn bộ hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm, thì giao dịch bảo đảm không chấm dứt, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Do đó việc VNB MH ra thông báo chấm dứt bảo lãnh sau khi Ngân hàng VN chi nhánh tỉnh Cà Mau đã giải ngân thì thông báo chấm dứt bảo lãnh không có giá trị để từ chối trách nhiệm của người bảo lãnh. Không chỉ bảo lãnh cho khoản vay, VNB MH và Công ty CV còn làm giấy xác nhận nợ nguyên

tắc với nhau. Từ phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định VNB MH là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa chính xác.

[6] Đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Lý D1 và Nguyễn Hữu D2, xét thấy hành vi của bị cáo D1 và bị cáo D2 liên quan đến hành vi của bị cáo Trần Thanh D nên không thể tách rời mà cần phải xem xét chung trong vụ án Trần Thanh D.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy có nhiều nội dung cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ nên cần phải hủy án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các bị cáo kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 12/2016/HSST ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Chuyển hồ sơ vụ án về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau để điều tra lại theo quy định.

Tiếp tục giam bị cáo Trần Thanh D đến ngày Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý lại hồ sơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THÀNH VĂN

***Nơi nhận*:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- CA tỉnh Cà Mau ;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- TTG CA tỉnh Cà Mau (1)
- TTG CA tỉnh Cà Mau (tống đạt cho bị cáo) (1)
- Bị cáo tại ngoại (2)
- Lưu (3) 16b (án HTKN).